

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN TOÁN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH NĂM HỌC 2019-2020

STT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển	Nguyên vọng
									Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	370219	NGUYỄN MINH KHÁNH		02/08/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,50	10,00	8,50	7,25	40,50	NV1
2	370011	NGUYỄN HOÀNG ANH		28/09/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,00	9,75	9,25	7,00	40,00	NV1
3	370121	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	*	05/11/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Đắk Nia - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	8,75	9,00	8,00	7,00	39,75	NV1
4	370263	NGUYỄN VĂN HOÀNG LONG		08/04/2004	Tam Kỳ - Quảng Nam	Đắk N'Drung - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	9,00	9,00	7,50	7,00	39,50	NV1
5	370366	BÙI MINH PHƯƠNG		07/03/2004	Mộ Đức - Quảng Ngãi	Nhân Đạo - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Khuyển	7,75	9,25	7,50	7,25	39,00	NV1
6	370091	NGUYỄN TẤN DŨNG		13/02/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Thuận Hạnh - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,25	9,00	6,75	8,25	38,50	NV1
7	370259	MAI THỊ THANH LOAN	*	30/07/2004	Nam Trục - Nam Định	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	9,50	9,50	7,25	6,00	38,25	NV1
8	370448	PHAN THỊ ANH THƯ	*	04/08/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Đắk Wer - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,50	9,75	8,50	6,25	38,25	NV1
9	370179	VĂN TIẾN HOÀNG		03/04/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kiến Đức - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,50	8,75	7,50	7,25	38,25	NV1
10	370521	NGUYỄN THANH VĂN		29/04/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Quảng Tín - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,75	9,75	7,50	7,00	38,00	NV1
11	370133	TRẦN NGUYỄN ANH Hào		08/12/2004	Cát Tiên - Lâm Đồng	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	9,75	8,50	6,00	37,75	NV1
12	370037	NGUYỄN XUÂN VĂN ANH	*	31/07/2004	Cư Jut - Đắk Nông	EaTLing - Cư Jut - Đắk Nông	Kinh	THCS Phạm Văn Đồng	8,00	9,00	7,75	6,50	37,75	NV1
13	370225	NGUYỄN ANH KHÔI		22/03/2004	Lệ Thủy - Quảng Bình	Quảng Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	10,00	8,25	6,50	37,75	NV1
14	370220	NGUYỄN NAM KHÁNH		01/10/2004	Đắk R' Lấp - Đắk Nông	Kiến Đức - Đắk R' Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,25	10,00	7,75	6,25	37,50	NV1
15	370184	ĐỖ THÁI HỌC		22/02/2004	Bù Đốp - Bình Phước	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS ngoài tỉnh	6,25	9,75	8,00	6,75	37,50	NV1
16	370463	PHAN ĐÌNH TIẾN		24/03/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kiến Thành - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	9,75	7,25	7,00	37,50	NV1
17	370348	ĐÀO THỊ KIỀU OANH	*	18/01/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	8,25	9,50	8,00	5,75	37,25	NV1
18	370292	TRINH LÊ NA	*	22/09/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Nam Bình - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	8,50	10,00	6,50	6,00	37,00	NV1
19	370519	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	*	11/09/2004	K rông Bông - Đắk Lắk	Đắk Buk So - Tuy Đức - Đắk Nông	Kinh	THCS Đắk Buk So	6,50	9,25	6,25	7,50	37,00	NV1
20	370284	BÙI HOÀNG MINH		03/12/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kiến Đức - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	8,75	7,75	7,25	37,00	NV1
21	370409	NGUYỄN MINH THÁI		06/11/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Đắk Hòa - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	9,75	6,00	7,25	36,50	NV1
22	370005	NGUYỄN VĂN AN		26/06/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Nam Bình - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,25	9,00	6,75	6,50	36,00	NV1
23	370230	DƯƠNG TRUNG KIÊN		26/10/2004	Tuy Đức - Đắk Nông	Đắk Buk So - Tuy Đức - Đắk Nông	Kinh	THCS Đắk Buk So	6,75	8,00	7,50	6,75	35,75	NV1
24	370306	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	*	23/09/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	9,00	7,75	6,00	35,50	NV1
25	370314	NGUYỄN PHẠM BÌNH NGUYỄN		22/07/2004	Đồng Hới - Quảng Bình	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	8,75	5,75	6,75	35,50	NV1
26	370233	NGUYỄN TRUNG KIÊN		17/10/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Đắk Buk So - Tuy Đức - Đắk Nông	Kinh	THCS ngoài tỉnh	7,50	9,75	7,75	5,00	35,00	NV1
27	370512	HỒ THỊ TƯƠI	*	09/03/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Quảng Tín - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	8,00	9,75	4,75	6,25	35,00	NV1
28	370056	HÀ GIANG CHÂU	*	28/01/2004	Tp Hồ Chí Minh	Nhân Cơ - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	8,50	8,75	6,25	5,50	34,50	NV1
29	370031	NGUYỄN TRẦN VĂN ANH	*	02/01/2004	Đắk Mil - Đắk Nông	Nghĩa Đức - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,00	9,00	6,75	5,25	34,25	NV1
30	370044	LƯU CÔNG BẢO		13/09/2004	Cư Jut - Đắk Nông	Nam Dong - Cư Jut - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	8,25	7,25	6,00	34,25	NV1
31	370293	TRẦN LÊ NAM		23/07/2004	K rông Bông - Đắk Lắk	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	8,25	6,75	6,25	34,00	NV1
32	370283	LƯƠNG ĐOÀN ĐỨC MINH		03/02/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Quảng Tín - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,00	9,00	7,25	5,25	33,75	NV1
33	370089	AO THIÊN DŨ		24/05/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Nam N' Jang - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,00	9,00	6,75	5,50	33,75	NV1
34	370503	PHẠM VĂN TUYÊN		19/01/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Đắk Buk So - Tuy Đức - Đắk Nông	Kinh	THCS Đắk Buk So	6,25	8,50	8,50	5,25	33,75	NV1
35	370543	LÊ VĂN VỸ		30/10/2004	Đắk R' Lấp - Đắk Nông	Kiến Thành - Đắk R' Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,75	8,50	7,50	5,50	33,75	NV1
36	370228	VŨ DUY KIÊN		07/11/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Nam N'Jang - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,25	9,00	6,50	6,00	33,75	NV1

STT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển	Nguyện vọng
									Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
37	370301	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	*	25/08/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	8,00	8,25	7,75	4,75	33,50	NV1
38	370379	HOÀNG NAM QUYẾN		09/07/2004	Lộc Hà - Hà Tĩnh	Quảng Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Chí Thanh	6,50	9,50	6,00	5,75	33,50	NV1
39	370392	ĐẶNG THÀNH SƠN		20/12/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,75	9,50	7,00	5,50	33,25	NV1
40	370518	LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN	*	12/05/2004	Xuân Mộc - Bà Rịa Vũng Tàu	Nhân Đạo - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Khuyến	8,75	8,00	6,75	4,75	33,00	NV1
41	370362	NGUYỄN TRONG PHÚC		22/06/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Nghĩa Thắng - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Quang Khải	7,00	8,50	4,50	6,50	33,00	NV1
42	370406	NGÔ NGUYỄN MINH THÀNH		28/11/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	9,50	8,25	4,50	32,75	NV1
43	370064	NGUYỄN THÀNH CHUNG		27/09/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Nam Bình - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	6,75	8,50	6,50	5,50	32,75	NV1
44	370334	VŨ THỊ YẾN NHI	*	26/12/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,75	9,50	6,50	5,50	32,75	NV1
45	370453	HUỲNH THỊ HOÀI THƯƠNG	*	06/03/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Đắk Hòa - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	7,00	9,50	6,00	5,00	32,50	NV1
46	370294	LÊ XUÂN NAM		20/01/2004	Lệ Thủy - Quảng Bình	Nhân Cơ - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,50	9,50	7,00	5,25	32,50	NV1
47	370248	NGUYỄN THẾ LINH		19/08/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Đắk N'Drung - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	9,00	9,75	4,75	4,25	32,00	NV1
48	370365	NGUYỄN LÊ THU PHƯƠNG	*	02/05/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,25	9,00	6,25	4,75	32,00	NV1
49	370279	TRẦN THỊ XUÂN MAI	*	25/02/2004	Đắk R' Lấp - Đắk Nông	Kiến Thành - Đắk R' Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	9,25	6,00	5,00	31,75	NV1
50	370467	VÕ ĐÌNH TÍNH		06/05/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Nâm N'Jang - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,00	9,50	4,25	5,50	31,75	NV1
51	370337	HOÀNG YẾN NHI	*	21/08/2004	Di Linh - Lâm Đồng	Kiến Đức - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Nùng	THCS Nguyễn Du	6,50	9,75	6,75	4,25	31,50	NV1
52	370545	LÊ HÀ HẢI YẾN	*	29/02/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Đức An - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	8,75	5,25	5,25	31,50	NV1
53	370482	TRẦN THỊ THÙY TRÂN	*	06/09/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Quảng Tân - Tuy Đức - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	8,50	6,00	5,25	31,00	NV1
54	370542	NÔNG NGUYỄN VỸ		17/01/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Đắk Gân - Đắk Mil - Đắk Nông	Nùng	THCS Phạm Hồng Thái	5,00	8,25	5,25	6,25	31,00	NV1
55	370407	ĐOÀN TRUNG THÀNH		02/11/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,75	7,25	5,75	6,00	30,75	NV1
56	370262	ĐÀM THẾ LONG		02/06/2004	Cư Jut - Đắk Nông	Nam Dong - Cư Jut - Đắk Nông	Tây	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	9,50	7,25	3,50	30,50	NV1
57	370076	ĐẶNG THỊ THÙY DUNG	*	07/03/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,25	10,00	7,00	3,00	30,25	NV1
58	370237	TRƯƠNG TUẤN KIẾT		02/01/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	8,50	6,75	4,50	30,25	NV1
59	370517	DƯƠNG THẢO UYÊN	*	18/08/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kiến Thành - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,00	9,00	7,25	3,25	29,75	NV1
60	370264	VŨ NGUYỄN HOÀNG LONG		29/04/2004	Đắk Mil - Đắk Nông	Tâm Thắng - Cư Jut - Đắk Nông	Kinh	THCS Phạm Văn Đồng	7,00	7,75	7,50	3,75	29,75	NV1
61	370488	ĐÌNH THỊ CẨM TRINH	*	02/01/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Nghĩa Thắng - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Quốc Toản	7,00	8,00	6,00	4,25	29,50	NV1
62	370247	LÊ NHƯ LINH		13/02/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Đắk Hòa - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	5,00	7,50	6,00	5,50	29,50	NV1
63	370167	TỔNG NHƯ HOA	*	07/11/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Thuận Hạnh - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,25	8,00	7,50	3,75	29,25	NV1
64	370192	LÊ NGUYỄN QUANG HUY		18/10/2004	Đắk R' Lấp - Đắk Nông	Quảng Tín - Đắk R' Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	7,50	7,50	6,50	3,75	29,00	NV1
65	370297	HÀ THỊ THÚY NGÀ	*	09/06/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	8,00	5,50	4,75	29,00	NV1
66	370165	HOÀNG THẾ HIỂN		14/12/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Ea Pô - Cư Jut - Đắk Nông	Nùng	THCS Phạm Hồng Thái	7,00	9,00	4,75	4,00	28,75	NV1
67	370004	NGUYỄN TRẦN THÁI AN		21/04/2004	Đắk R' Lấp - Đắk Nông	Kiến Đức - Đắk R' Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	9,00	7,25	3,50	28,75	NV1
68	370321	NGUYỄN THANH NHÃ		28/11/2004	Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Đắk R'Moan - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	8,50	5,25	4,50	28,75	NV1
69	370322	NGUYỄN THỊ NGỌC NHÃ	*	16/04/2004	Đắk Mil - Đắk Nông	Đắk Sak - Đắk Mil - Đắk Nông	Kinh	THCS Phan Chu Trinh	6,50	7,75	4,75	4,75	28,50	NV1
70	370206	PHẠM NGUYỄN TUẤN HÙNG		02/02/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Quảng Tín - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	7,25	5,25	5,00	28,50	NV1

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xét duyệt danh sách gồm 70 học sinh
Trong đó: Nam: 44 Nữ: 26 , số học sinh dân tộc Kinh: 66
Số học sinh dân tộc thiểu số: 4
Cụ thể: Nùng: 3, Tày: 1

....., ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đắk Nông, ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10

Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh năm học 2019-2020

Danh sách gồm 3 trang 70 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN VẬT LÝ
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH NĂM HỌC 2019-2020

STT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển	Nguyên vọng
									Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	370174	PHẠM ĐĂNG HOÀNG		15/01/2004	Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Nhân Cơ - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,50	9,50	5,75	7,25	36,25	NV1
2	370086	ĐINH NGỌC DUYỀN		28/10/2004	Nho Quan - Ninh Bình	Quảng Tân - Tuy Đức - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,50	9,00	5,00	7,25	36,00	NV1
3	370464	LÊ NGỌC TIẾN		31/01/2004	Xuân Lộc - Đồng Nai	Nhân Cơ - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,50	7,50	5,50	8,25	36,00	NV1
4	370541	NGUYỄN HÀ VỸ		09/12/2004	Thái Thụy - Thái Bình	Đăk Ha - Đăk Glong - Đăk Nông	Kinh	THCS ngoài tỉnh	7,75	9,00	7,50	5,75	35,75	NV1
5	370216	PHẠM HỮU DUY KHÁNH		27/02/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Nam Bình - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,50	8,25	7,25	6,25	35,50	NV1
6	370397	LÊ THANH TÀI		19/04/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Trường Xuân - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	6,25	9,00	6,75	6,75	35,50	NV1
7	370194	VY QUỐC HUY		30/05/2004	Di Linh - Lâm Đồng	Nam N'Jang - Đăk Song - Đăk Nông	Nùng	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,00	8,50	7,00	5,75	34,00	NV1
8	370485	ĐẶNG NGỌC HẢI TRIỀU		04/02/2004	Cư Jut - Đăk Nông	Đăk Wil - Cư Jut - Đăk Nông	Kinh	THCS Cao Bá Quát	6,00	9,00	8,25	5,25	33,75	NV1
9	370006	THÁI VĂN AN		02/01/2004	Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Nhân Cơ - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,50	9,00	7,50	5,00	33,00	NV1
10	370442	ĐẶNG THỊ THANH THỦY	*	06/11/2004	Buôn Mê Thuột - Đăk Lắk	Kiến Đức - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,75	10,00	7,75	4,00	32,50	NV1
11	370255	ĐỖ THỊ THỦY LINH	*	29/04/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Phú - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,25	8,00	6,25	5,25	32,00	NV1
12	370510	TRẦN ANH TÚ	*	12/04/2004	Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Đăk Sil - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Hưng Đạo	7,00	8,00	6,00	5,50	32,00	NV1
13	370196	PHAN THANH QUANG HUY		09/02/2004	Buôn Mê Thuột - Đăk Lắk	Đăk Hòa - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,75	7,75	6,00	5,75	32,00	NV1
14	370118	NGUYỄN PHAN HÀ GIANG	*	15/11/2004	Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Nhân Cơ - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	5,75	7,00	5,50	6,75	31,75	NV1
15	370394	LA THỊ KIỀU SƯƠNG	*	13/02/2004	Hoài Ân - Bình Định	Nghĩa Đức - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,50	8,25	6,25	5,25	30,50	NV1
16	370256	TRẦN THỊ THỦY LINH	*	20/04/2004	Đăk Mil - Đăk Nông	Đăk Săk - Đăk Mil - Đăk Nông	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	7,75	6,75	2,75	6,50	30,25	NV1
17	370017	PHAN NGUYỄN KIM ANH	*	14/01/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Phú - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,75	7,25	5,25	4,75	28,75	NV1
18	370506	PHẠM HIẾU TUYẾN		13/01/2004	Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Quảng Tín - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	6,00	6,25	6,25	5,00	28,50	NV1
19	370271	LƯU THANH XUÂN MAI	*	09/08/2004	Yên Định - Thanh Hóa	Nhân Cơ - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,50	8,25	4,00	4,50	27,75	NV1
20	370193	BÙI QUANG HUY		01/01/2004	Thái Thụy - Thái Bình	Đăk N'Drung - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	8,00	5,75	4,75	4,25	27,00	NV1
21	370536	HỒ NGỌC VƯƠNG		03/03/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Đăk Hòa - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	5,75	7,75	4,75	4,25	26,75	NV1
22	370186	ĐẬU XUÂN HUẤN		20/12/2004	Tuy Đức - Đăk Nông	Đăk R'Tiê - Tuy Đức - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,75	9,00	4,75	3,00	26,50	NV1
23	370111	PHAN QUỐC ĐẠT		24/05/2004	Cư Mgar - Đăk Lắk	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	5,50	7,25	5,25	4,00	26,00	NV1
24	370185	HOÀNG TIẾN HỌC		15/07/2004	K rông Nô - Đăk Nông	Nghĩa Đức - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,25	7,50	5,50	3,25	25,75	NV1
25	370278	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	*	20/10/2004	Thọ Xuân - Thanh Hóa	Nhân Cơ - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	7,00	6,75	4,75	3,50	25,50	NV1
26	370158	NGUYỄN NHẬT HIẾN		26/07/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,25	7,00	4,25	4,25	25,00	NV1
27	370285	LƯƠNG QUANG MINH		09/04/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	5,50	6,25	6,25	3,00	24,00	NV1
28	370114	ĐOÀN DUY ĐỨC		30/06/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Đăk R'Moan - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	5,50	5,75	5,25	3,75	24,00	NV1
29	370223	DƯƠNG NGUYỄN ANH KHOA		03/06/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Phú - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	5,50	6,75	5,25	3,00	23,50	NV1
30	370402	NGUYỄN ANH TẤN		04/01/2004	Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Nhân Cơ - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	5,50	6,25	5,75	3,00	23,50	NV1
31	370500	NGUYỄN QUỐC TUẤN		01/01/2004	Hải Hậu - Nam Định	Đăk Wil - Cư Jut - Đăk Nông	Kinh	THCS Cao Bá Quát	5,00	6,75	5,00	3,25	23,25	NV1
32	370410	NGUYỄN VĂN THÁI		06/11/2004	Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kiến Đức - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	8,25	4,75	2,25	23,00	NV1
33	370396	NGUYỄN QUÍ TÀI		28/04/2004	Ea Ka - Đăk Lắk	Đăk Sin - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Hưng Đạo	5,50	5,00	3,75	4,25	22,75	NV1
34	370072	ĐỖ THỊ TÙNG DIỆP	*	13/10/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,00	6,75	5,25	2,75	22,50	NV1
35	370316	TRƯƠNG THỊ BÌNH NGUYỄN	*	15/11/2004	Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Đăk N'ia - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,75	6,00	4,50	2,50	22,25	NV1

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xét duyệt danh sách gồm 35 học sinh
Trong đó: Nam: 24 Nữ: 11 , số học sinh dân tộc Kinh: 34
Số học sinh dân tộc thiểu số: 1
Cụ thể: Nùng: 1

....., ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đắk Nông, ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10

Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh năm học 2019-2020

Danh sách gồm 2 trang 35 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN HÓA HỌC

TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH NĂM HỌC 2019-2020

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển	Nguyên vọng
									Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	370450	HOÀNG NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	*	04/03/2004	Cư Jut - Đăk Nông	Cư Jut - Đăk Nông	Nùng	THCS Nguyễn Tất Thành	8,50	9,50	9,25	9,25	45,75	NV1
2	370125	NGUYỄN LÊ THANH HÀ	*	02/05/2004	Cư Jut - Đăk Nông	Tầm Thắng - Cư Jut - Đăk Nông	Kinh	THCS Phạm Văn Đồng	7,50	10,00	8,75	9,75	45,75	NV1
3	370357	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ		14/01/2004	Đăk Mil - Đăk Nông	Đăk N'Drôt - Đăk Mil - Đăk Nông	Kinh	THCS Lê Lợi	8,00	9,00	7,50	9,75	44,00	NV1
4	370498	VŨ ANH TUẤN		31/01/2004	Cư Jut - Đăk Nông	Nam Dong - Cư Jut - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	8,00	9,00	8,00	9,00	43,00	NV1
5	370393	BÙI THẾ SƠN		26/01/2004	Hiệp Hòa - Bắc Giang	Đăk Ru - Đăk Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	7,00	8,00	7,75	9,00	40,75	NV1
6	370363	HOÀNG VĂN PHÚC		11/03/2004	Cư Jut - Đăk Lăk	Ea Pô - Cư Jut - Đăk Nông	Nùng	THCS Phạm Hồng Thái	6,50	9,50	6,25	9,00	40,25	NV1
7	370445	TỔNG THỊ THU THỦY	*	06/09/2004	Phù Cừ - Hưng Yên	Đăk Nia - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	7,00	8,00	6,75	9,00	39,75	NV1
8	370523	NGUYỄN THANH VÂN	*	13/11/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	8,25	6,25	8,75	39,50	NV1
9	370438	LÊ THỊ THANH THUẬN	*	08/03/2004	Đồng Xoài - Bình Phước	Đăk Nia - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,75	6,75	8,00	9,00	39,50	NV1
10	370213	NGUYỄN TRẦN IFA		24/10/2004	Bù Đăng - Bình Phước	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,75	7,75	5,25	9,25	39,25	NV1
11	370148	ĐẬU THỊ THÚY HẰNG	*	25/06/2004	Đăk Glong - Đăk Nông	Quảng Khê - Đăk Glong - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,50	8,00	5,25	9,25	39,25	NV1
12	370116	PHẠM QUANG ĐỨC		24/01/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Quảng Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,00	6,50	6,25	9,75	39,25	NV1
13	370324	VÕ THÀNH NHÂN	*	02/10/2004	K rông Nô - Đăk Nông	Đăk Nia - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,50	6,25	7,25	9,25	38,50	NV1
14	370446	PHẠM MINH THƯ	*	28/01/2004	Lộc Ninh - Bình Phước	Đức An - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	9,00	4,25	9,00	38,00	NV1
15	370047	NÔNG CÔNG BẰNG		30/07/2004	Pleiku - Gia Lai	Cư Knia - Cư Jut - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	6,75	8,50	8,00	7,25	37,75	NV1
16	370427	HOÀNG ĐỨC THIÊN		17/09/2004	Cư Jut - Đăk Nông	Đăk Wil - Cư Jut - Đăk Nông	Tây	THCS Cao Bá Quát	7,50	9,25	6,25	7,25	37,50	NV1
17	370150	LÊ NGỌC GIA HÂN	*	08/08/2004	Mộ Đức - Quảng Ngãi	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,50	7,00	6,50	7,75	37,50	NV1
18	370533	LƯU QUANG VŨ		08/03/2004	lakh-lagrai - Gia Lai	Đăk Rla - Đăk Mil - Đăk Nông	Kinh	THCS Hoàng Diệu	7,50	7,50	7,25	7,50	37,25	NV1
19	370204	QUÁCH THỊ THƯƠNG HUỲNH	*	01/05/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Đăk R'Moan - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	9,00	7,75	6,25	36,75	NV1
20	370149	CAM GIA HÂN	*	14/09/2004	TP Hồ Chí Minh	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Hoa	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,75	8,00	6,50	6,75	36,75	NV1
21	370093	ĐINH TIẾN DŨNG		05/04/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Đức - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,75	9,75	6,75	7,25	36,75	NV1
22	370136	TRẦN LÊ HỒNG HẠNH	*	08/03/2004	Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Quảng Tín - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	8,75	8,00	7,25	6,25	36,50	NV1
23	370252	TRẦN THỊ DIỆU LINH	*	13/10/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Đăk Sin - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	7,50	8,50	5,75	7,25	36,25	NV1
24	370260	NGUYỄN HẢI LONG		09/08/2004	Bù Đăng - Bình Phước	Đăk R'Tih - Tuy Đức - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,25	9,00	5,50	7,75	36,25	NV1
25	370244	TRẦN THỊ THÙY LÊN	*	15/07/2004	K rông Bông - Đăk Lăk	Nghĩa Thắng - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Quốc Toản	6,50	8,00	5,25	8,25	36,25	NV1
26	370335	ĐẶNG TUYẾT NHI	*	06/07/2004	Di Linh - Lâm Đồng	Đăk Wer - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Linh	7,25	7,00	6,00	7,75	35,75	NV1
27	370231	LÊ TRUNG KIẾN		02/06/2004	Triệu Sơn - Thanh Hóa	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,75	5,75	5,50	8,75	35,50	NV1
28	370178	ĐINH TIẾN HOÀNG		19/02/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Hưng Bình - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Quang Trung	7,25	6,75	5,75	7,75	35,25	NV1
29	370038	TRƯƠNG THỊ NHẢ ÁI	*	16/04/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Quảng Tân - Tuy Đức - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,75	9,50	5,50	6,00	34,75	NV1
30	370200	ĐẶNG THỊ NHƯ HUỲNH	*	19/02/2004	Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đăk Nia - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,50	8,25	5,00	7,25	34,25	NV1
31	370053	PHAN THỊ BÌNH	*	05/03/2004	Diễn Châu - Nghệ An	Đăk Nia - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,50	6,00	6,75	7,50	34,25	NV1
32	370315	NGÔ THẢO NGUYỄN	*	24/10/2004	Buôn Mê Thuột - Đăk Lăk	Đăk Ha - Đăk Glong - Đăk Nông	Kinh	THCS Chu Văn An	7,50	7,25	5,50	6,75	33,75	NV1
33	370281	LÊ GIA MẪN		18/09/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kiến Đức - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,25	7,00	6,00	7,25	33,75	NV1
34	370311	NGUYỄN BÁ NGUYỄN		09/03/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Đăk Nia - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,25	6,75	6,75	6,75	33,25	NV1
35	370276	NGUYỄN THỊ THU MAI	*	10/02/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Đăk Wer - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	9,25	4,75	6,25	33,00	NV1

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xét duyệt danh sách gồm 35 học sinh
Trong đó: Nam: 15 Nữ: 20 , số học sinh dân tộc Kinh: 31
Số học sinh dân tộc thiểu số: 4
Cụ thể: Hoa: 1, Nùng: 2, Tày: 1

....., ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đăk Nông, ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10

Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh năm học 2019-2020

Danh sách gồm 2 trang 35 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN SINH HỌC
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH NĂM HỌC 2019-2020

STT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển	Nguyên vọng
									Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	370457	NGUYỄN BẢO THY	*	27/11/2004	Tp Hồ Chí Minh	Nghĩa Phú - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,75	8,00	8,25	9,25	42,50	NV1
2	370415	THÁI PHƯƠNG KIỀU THẢO	*	29/01/2004	K rông Nô - Đắk Nông	Năm N'Dir - K rông Nô - Đắk Nông	Kinh	THCS Năm Nđir	8,25	9,00	7,00	8,50	41,25	NV1
3	370386	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	*	05/04/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,25	8,75	6,00	9,00	40,00	NV1
4	370170	NGUYỄN THỊ HOA	*	13/04/2004	K rông Nô - Đắk Nông	Buôn Choah - K rông Nô - Đắk Nông	Kinh	THCS Buôn Chóah	6,50	7,75	4,25	8,75	36,00	NV1
5	370254	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	*	19/04/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Nghĩa Phú - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,25	8,25	6,50	6,75	35,50	NV1
6	370351	LÊ THỊ KIM OANH	*	01/12/2004	Quảng Xương - Thanh Hóa	Quảng Trục - Tuy Đức - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	8,50	9,00	4,50	6,50	35,00	NV1
7	370317	PHẠM THỊ NGUYỆT	*	10/01/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Thuận Hà - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,25	6,75	3,00	9,00	35,00	NV1
8	370452	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	*	17/04/2004	Trực Ninh - Nam Định	Đức Xuyên - K rông Nô - Đắk Nông	Kinh	THCS Đắk Nang	8,75	8,00	5,00	6,50	34,75	NV1
9	370151	PHẠM PHAN NGỌC HÂN	*	22/01/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Quảng Tín - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	7,25	6,75	4,50	8,00	34,50	NV1
10	370333	LÊ THỊ YẾN NHI	*	29/06/2004	Tân Uyên - Bình Dương	Hung Bình - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Quang Trung	6,75	6,75	4,50	8,25	34,50	NV1
11	370345	PHẠM QUỲNH NHƯ	*	12/08/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Nghĩa Phú - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,75	7,00	5,75	6,75	34,00	NV1
12	370217	PHẠM KIM KHÁNH	*	28/07/2004	Cư Jut - Đắk Nông	Nam Dong - Cư Jut - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,25	6,50	4,25	8,50	34,00	NV1
13	370239	NGUYỄN ANH KỶ	*	19/08/2004	Bình Minh - Vĩnh Long	Trường Xuân - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	7,25	8,00	6,25	6,00	33,50	NV1
14	370014	HÀ KIỀU ANH	*	12/04/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	5,50	7,00	4,50	8,25	33,50	NV1
15	370421	PHẠM THỊ THANH THẢO	*	09/02/2004	Cư Jut - Đắk Nông	Ea Pô - Cư Jut - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	9,00	5,25	6,50	33,25	NV1
16	370456	VŨ NGUYỄN TRI THỨC	*	30/10/2004	Cờ Đỏ - Cần Thơ	Nghĩa Đức - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	6,50	6,25	7,00	33,25	NV1
17	370507	BÙI THỊ TUYẾT	*	18/06/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Quảng Tín - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	5,00	6,50	6,25	7,75	33,25	NV1
18	370367	LÊ THỊ PHƯƠNG	*	16/10/2004	Yên Thành - Nghệ An	Thuận Hà - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Bé Văn Đàn	7,25	7,00	4,00	7,25	32,75	NV1
19	370381	NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUYẾT	*	09/09/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	4,75	6,25	6,00	7,75	32,50	NV1
20	370007	NGUYỄN ĐÀO VÂN ANH	*	01/01/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kiến Đức - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	8,00	4,25	6,75	32,25	NV1
21	370250	NGUYỄN THỊ LINH	*	20/02/2004	Yên Phong - Bắc Ninh	Đắk Drô - K rông Nô - Đắk Nông	Kinh	THCS Năm Nđir	8,00	7,25	5,00	5,75	31,75	NV1
22	370544	PHẠM THỊ QUỲNH XUÂN	*	18/01/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Quảng Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	8,00	7,50	4,50	5,75	31,50	NV1
23	370033	NGŨ VÂN ANH	*	15/08/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Hoa	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,75	8,25	4,50	6,00	31,50	NV1
24	370313	NGÔ NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	*	02/09/2004	K rông Ana - Đắk Lắk	Đức An - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS ngoài tỉnh	6,50	6,50	5,00	6,50	31,00	NV1
25	370029	TRẦN THỊ VÂN ANH	*	12/01/2004	Hưng Hà - Thái Bình	Đắk Nia - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,25	7,50	4,50	6,75	30,75	NV1
26	370077	THÂN THỊ THUY DUNG	*	29/09/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,25	7,75	5,00	5,25	30,50	NV1
27	370080	BÙI KHẮC DUY	*	03/08/2004	Tĩnh Gia - Thanh Hóa	Đắk Nia - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,75	6,75	3,50	6,50	30,00	NV1
28	370060	TRINH THỊ KIM CHI	*	10/10/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Trường Xuân - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	7,75	5,75	6,25	5,00	29,75	NV1
29	370088	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	*	05/08/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Nhân Cơ - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,75	5,25	3,75	6,50	29,75	NV1
30	370444	NGUYỄN THỊ THU THỦY	*	30/01/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Nhân Đạo - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Khuyến	7,00	6,25	4,25	6,00	29,50	NV1
31	370349	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	*	24/06/2004	K rông Nô - Đắk Nông	Năm N'Dir - K rông Nô - Đắk Nông	Kinh	THCS Năm Nđir	7,00	8,25	3,50	5,25	29,25	NV1
32	370474	ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	*	21/08/2004	Cư Jut - Đắk Nông	Đắk Will - Cư Jut - Đắk Nông	Kinh	THCS Cao Bá Quát	7,50	5,00	5,25	5,50	28,75	NV1
33	370480	PHẠM THỊ THANH TRÀ	*	20/04/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Phú - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	5,75	6,00	5,00	28,25	NV1
34	370342	MAI ĐOÀN YẾN NHƯ	*	09/01/2004	Đắk Nông - Đắk Lắk	Nhân Cơ - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,00	6,25	4,75	5,00	28,00	NV1
35	370094	HOÀNG ÁNH DƯƠNG	*	02/01/2004	Cư Jut - Đắk Nông	Cư Nia - Cư Jut - Đắk Nông	Tây	THCS Nguyễn Trãi	5,50	6,50	5,25	4,75	26,75	NV1

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xét duyệt danh sách gồm 35 học sinh
Trong đó: Nam: 5 Nữ: 30 , số học sinh dân tộc Kinh: 33
Số học sinh dân tộc thiểu số: 2
Cụ thể: Hoa: 1, Tày: 1

....., ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đắk Nông, ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10

Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh năm học 2019-2020

Danh sách gồm 2 trang 35 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN TIN HỌC
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH NĂM HỌC 2019-2020

STT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển	Nguyên vọng
									Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	370191	NGUYỄN ĐÀN HUY		21/05/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Đăk R'Moan - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	8,25	8,00	7,25	8,75	41,00	NV1
2	370327	CAO HOÀNG YẾN NHI	*	10/11/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Nghĩa Thắng - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Quốc Toản	7,00	7,00	7,50	8,50	38,50	NV1
3	370063	TRẦN ĐỨC CHÍNH		01/01/2004	Xuyên Mộc - Bà Rịa Vũng Tàu	Nâm N'Jang - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	5,25	9,00	5,25	9,00	37,50	NV1
4	370496	BÙI ANH TUẤN		24/08/2004	Tuy Đức - Đăk Nông	Quảng Tâm - Tuy Đức - Đăk Nông	Kinh	THCS Đăk Buk So	8,50	7,25	4,25	8,50	37,00	NV1
5	370243	NGUYỄN VĂN THÀNH LÂM		01/11/2004	Lộc Ninh - Bình Phước	Quảng Tâm - Tuy Đức - Đăk Nông	Kinh	THCS Đăk Buk So	6,25	6,75	7,00	8,50	37,00	NV1
6	370280	NGÔ ĐỨC MẠNH		07/12/2004	Tp Hồ Chí Minh	Quảng Tâm - Tuy Đức - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	4,75	6,00	5,75	9,75	36,00	NV1
7	370251	TRẦN THỊ LINH	*	15/03/2004	Yên Thành - Nghệ An	Đăk N'Drung - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	7,25	6,50	6,00	8,00	35,75	NV1
8	370258	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	*	08/09/2004	Yên Khánh - Ninh Bình	Thuận Hà - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	7,75	5,75	5,00	8,00	34,50	NV1
9	370008	NGUYỄN HOÀI ANH		07/02/2004	Lâm Hà - Lâm Đồng	Đăk R'Moan - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	4,75	6,75	5,50	8,50	34,00	NV1
10	370435	VÕ THỊ ANH THƠ	*	22/04/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Trường Xuân - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	7,50	7,75	6,75	5,75	33,50	NV1
11	370525	TRẦN THỊ VÂN	*	07/04/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Nam Bình - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,00	5,25	5,00	8,50	33,25	NV1
12	370112	DƯƠNG TIẾN ĐẠT		20/03/2003	Đăk Song - Đăk Nông	Đức An - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,25	7,50	3,25	8,50	33,00	NV1
13	370399	ĐỖ MINH TÂM		19/09/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Nhân Cơ - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,50	6,00	4,00	8,75	33,00	NV1
14	370069	MAI THÀNH DANH		29/08/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Phú - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,75	5,25	4,50	8,00	32,50	NV1
15	370499	PHẠM NGUYỄN ANH TUẤN		26/12/2003	Đăk Song - Đăk Nông	Nam Bình - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	6,00	5,75	3,75	8,25	32,00	NV1
16	370540	PHẠM THỊ YẾN VY	*	29/01/2004	Buôn Mê Thuột - Đăk Lắk	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,00	6,75	4,25	6,50	31,00	NV1
17	370395	KIỀU VÂN SỸ		20/06/2004	Di Linh - Lâm Đồng	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,75	5,00	2,75	8,25	31,00	NV1
18	370375	ĐẶNG HỒNG QUÂN		08/12/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,25	5,50	4,75	7,50	30,50	NV1
19	370487	NGUYỄN DUY TRINH		19/04/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Nam Bình - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	5,25	6,25	3,75	7,50	30,25	NV1
20	370411	BÙI ĐIỀU THẢO	*	03/08/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Nam Bình - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	5,75	4,75	5,25	7,00	29,75	NV1
21	370371	LÊ TÔN PHƯỚC		20/06/2004	Tp Hồ Chí Minh	Nâm N'Jang - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	5,50	7,00	4,00	6,25	29,00	NV1
22	370066	DƯƠNG ĐỨC CƯỜNG		19/08/2004	K rông Ana - Đăk Lắk	Nam Bình - Đăk Song - Đăk Nông	Nùng	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,00	5,50	6,50	6,00	29,00	NV1
23	370274	ĐỖ THỊ NGỌC MAI	*	01/04/2004	K rông Nô - Đăk Nông	Thuận Hạnh - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	8,00	3,75	5,25	28,75	NV1
24	370447	PHAN THỊ ANH THƯ	*	14/07/2004	Tịnh Biên - An Giang	Đăk Som - Đăk Glong - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Chu Trinh	6,00	5,25	4,25	6,50	28,50	NV1
25	370417	PHẠM THỊ THẢO	*	02/09/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Thuận Hà - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	5,25	4,75	5,00	6,75	28,50	NV1
26	370229	ĐỖ TRỌNG KIÊN		18/10/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	4,75	5,25	3,00	7,50	28,00	NV1
27	370287	LÊ TRẦN BẢO MINH		20/07/2003	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Hưng Bình - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Quang Trung	6,25	6,75	5,00	4,75	27,50	NV1
28	370218	ĐỖ MINH KHÁNH		02/09/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Nam Bình - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	5,75	4,75	4,75	5,25	25,75	NV1
29	370115	PHAN MINH ĐỨC		27/04/2004	Buôn Mê Thuột - Đăk Lắk	Kiến Đức - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Lương Thế Vinh	3,75	7,00	3,50	5,75	25,75	NV1
30	370201	ĐỖ THỊ THANH HUYỀN	*	14/02/2004	Đăk Glong - Đăk Nông	Đăk Som - Đăk Glong - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Chu Trinh	6,00	6,25	3,50	4,50	24,75	NV1
31	370437	NGUYỄN THỊ MINH THUẬN	*	14/12/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Trường Xuân - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	6,50	2,75	4,00	5,00	23,25	NV1
32	370172	PHẠM THỊ THU HOÀI	*	11/07/2004	Hải Hậu - Nam Định	Đăk N'Drung - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	5,50	6,25	3,50	3,75	22,75	NV1
33	370376	NGUYỄN MINH QUÂN		09/07/2004	Buôn Mê Thuột - Đăk Lắk	Nghĩa Phú - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	4,50	4,25	4,75	4,00	21,50	NV1
34	370405	NGUYỄN ĐỨC THÀNH		09/10/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Quảng Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	4,00	3,00	3,00	4,75	19,50	NV1
35	370423	NGUYỄN VĂN THÂN		27/02/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Nam Bình - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	5,00	3,00	2,75	3,50	17,75	NV1

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xét duyệt danh sách gồm 35 học sinh
Trong đó: Nam: 22 Nữ: 13 , số học sinh dân tộc Kinh: 34
Số học sinh dân tộc thiểu số: 1
Cụ thể: Nùng: 1

....., ngày ... tháng ... Năm 20 ...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đăk Nong, ngày ... tháng ... Năm 20 ...

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10

Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh năm học 2019-2020

Danh sách gồm 2 trang 35 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN NGỮ VĂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH NĂM HỌC 2019-2020

STT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển	Nguyên vọng
									Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	370130	ĐOÀN THỊ THU HÀ	*	11/03/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Kiến Đức - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	8,75	7,25	6,25	7,75	37,75	NV1
2	370389	PHẠM THANH QUÝ	*	16/05/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	8,00	6,25	8,00	37,75	NV1
3	370416	NGUYỄN THỊ THẢO	*	20/06/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Quảng Tâm - Tuy Đức - Đắk Nông	Kinh	THCS Đắk Buk So	7,50	8,25	6,00	7,75	37,25	NV1
4	370097	HỒ TRIỆU THÙY DƯƠNG	*	26/03/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Nghĩa Thắng - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Quốc Toàn	8,25	7,00	6,00	7,75	36,75	NV1
5	370059	TRẦN THỊ KIM CHI	*	29/06/2004	Phù Mỹ - Bình Định	Quảng Thành - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Chí Thanh	9,00	5,75	6,00	8,00	36,75	NV1
6	370360	HUỲNH THỊ HẠNH PHÚC	*	12/10/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Đắk Ru - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Lương Thế Vinh	8,75	7,00	5,25	7,75	36,50	NV1
7	370489	HOÀNG THỊ PHƯƠNG TRINH	*	15/07/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Trường Xuân - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	8,50	6,75	6,00	7,50	36,25	NV1
8	370028	TRẦN THỊ TÚ ANH	*	27/02/2004	Thanh Chương - Nghệ An	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,50	6,50	5,00	8,00	36,00	NV1
9	370202	VÕ THỊ THANH HUYỀN	*	04/05/2004	Cư Jut - Đắk Nông	Đắk Will - Cư Jut - Đắk Nông	Thái	THCS Cao Bá Quát	9,00	6,50	6,75	6,75	35,75	NV1
10	370055	NGÔ VĂN BÌNH	*	04/10/2004	Yên Thành - Nghệ An	Năm N'Jang - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,75	8,00	4,75	7,25	35,00	NV1
11	370298	VÕ KIM NGÂN	*	24/03/2004	Nam Đàn - Nghệ An	Đắk N'Drung - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	8,00	7,00	6,00	7,00	35,00	NV1
12	370384	VŨ THỊ DIỄM QUỲNH	*	11/01/2004	Tp Hưng Yên - Hưng Yên	Hưng Bình - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Quang Trung	8,50	6,25	3,75	8,25	35,00	NV1
13	370476	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	*	03/01/2004	Thịệu Hóa - Thanh Hóa	Năm N'Jang - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,75	5,75	6,00	7,50	34,50	NV1
14	370382	LÊ NGỌC ÁNH QUỲNH	*	05/08/2004	Đắk Glong - Đắk Nông	Quảng Khê - Đắk Glong - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	8,00	5,50	4,00	8,50	34,50	NV1
15	370305	NGUYỄN THỊ HÀ BÍCH NGỌC	*	12/02/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Quảng Tâm - Tuy Đức - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	8,00	6,25	5,75	7,00	34,00	NV1
16	370344	PHẠM QUỲNH NHƯ	*	21/03/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,00	6,75	6,50	6,25	33,75	NV1
17	370147	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	*	10/04/2004	Triệu Phong - Quảng Trị	Đạo Nghĩa - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Võ Văn Kiệt	9,00	6,25	5,00	6,75	33,75	NV1
18	370221	VŨ THỊ THU KHIÊM	*	29/11/2004	Bù Đăng - Bình Phước	Đắk Ru - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Lương Thế Vinh	8,75	4,00	4,50	8,25	33,75	NV1
19	370253	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	*	10/09/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Đắk N'Drung - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	8,25	5,75	6,50	6,50	33,50	NV1
20	370266	ĐOÀN NGỌC BẢO LY	*	25/08/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Đạo Nghĩa - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Quốc Toàn	6,75	7,00	5,75	7,00	33,50	NV1
21	370095	BÙI THỊ THÙY DƯƠNG	*	25/10/2004	Đắk Ô - Bình Phước	Quảng Sơn - Đắk Glong - Đắk Nông	Kinh	THCS Hoàng Văn Thụ	7,75	6,50	4,75	7,00	33,00	NV1
22	370300	TRẦN THỊ KIM NGÂN	*	29/03/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Hưng Bình - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Quang Trung	7,50	6,75	5,00	6,75	32,75	NV1
23	370102	LÊ THỊ ANH ĐÀO	*	02/05/2004	Tân Niên - Tây Ninh	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	8,25	4,75	6,75	6,50	32,75	NV1
24	370539	LÊ NGUYỄN TƯỜNG VY	*	03/04/2004	Phụng Hiệp - Hậu Giang	Nghĩa Đức - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	8,75	6,00	7,25	5,25	32,50	NV1
25	370481	NGUYỄN THỊ XUÂN TRÀ	*	05/04/2004	Yên Khánh - Ninh Bình	Năm N'Jang - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,50	7,50	5,50	6,00	32,50	NV1
26	370277	VŨ THỊ THU MAI	*	27/05/2004	Cư Jut - Đắk Nông	Đắk Will - Cư Jut - Đắk Nông	Kinh	THCS Cao Bá Quát	7,00	8,25	5,00	6,00	32,25	NV1
27	370120	ĐẶNG THỊ HÀ GIANG	*	16/01/2004	Can Lộc - Hà Tĩnh	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	8,25	6,50	5,50	6,00	32,25	NV1
28	370346	LÝ THỊ NƯƠNG	*	08/08/2004	K rông Nô - Đắk Nông	Buôn Choah - K rông Nô - Đắk Nông	Tày	THCS Buôn Chóah	7,75	5,75	4,00	7,25	32,00	NV1
29	370310	HOÀNG YẾN NGỌC	*	04/04/2004	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	Ea Pô - Cư Jut - Đắk Nông	Kinh	THCS Phạm Hồng Thái	8,00	4,25	5,25	7,25	32,00	NV1
30	370032	NGUYỄN TÚ ANH	*	16/12/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Nam Bình - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,00	6,50	6,25	6,00	31,75	NV1
31	370090	NGUYỄN HÀ QUỐC DŨNG	*	15/01/2004	Cư Jut - Đắk Nông	Ea TLing - Cư Jut - Đắk Nông	Kinh	THCS Phạm Văn Đồng	6,75	6,00	7,00	6,00	31,75	NV1
32	370469	THÁI KIM TRANG	*	01/08/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Quảng Tín - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Lương Thế Vinh	7,50	5,00	4,50	7,25	31,50	NV1
33	370425	LƯƠNG THỊ THƠM THIẾT	*	15/10/2004	K rông Nô - Đắk Nông	Nam Xuân - K rông Nô - Đắk Nông	Nùng	THCS Lý Tự Trọng	8,00	5,00	4,25	7,00	31,25	NV1
34	370166	TRINH MAI KIM HOA	*	20/11/2004	Yên Mô - Ninh Bình	Quảng Sơn - Đắk Glong - Đắk Nông	Kinh	THCS Hoàng Văn Thụ	8,00	5,75	4,25	6,50	31,00	NV1
35	370339	VÕ THỊ HOÀI NHƯ	*	24/06/2004	Đắk Mil - Đắk Nông	Đắk Săk - Đắk Mil - Đắk Nông	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	8,00	4,25	3,75	7,25	30,50	NV1

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xét duyệt danh sách gồm 35 học sinh
Trong đó: Nam: 2 Nữ: 33 , số học sinh dân tộc Kinh: 32
Số học sinh dân tộc thiểu số: 3
Cụ thể: Nùng: 1, Thái: 1, Tày: 1

....., ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đăk Nông, ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10

Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh năm học 2019-2020

Danh sách gồm 2 trang 35 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN TIẾNG ANH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH NĂM HỌC 2019-2020

STT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển	Nguyên vọng
									Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	370414	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	*	22/03/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	8,25	8,00	9,75	9,10	44,20	NV1
2	370205	TRẦN MẠNH HÙNG		13/07/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Đức An - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS ngoài tỉnh	9,00	8,75	9,00	7,95	42,65	NV1
3	370286	NGUYỄN THỊ NGỌC MINH	*	07/11/2004	Buôn Mê Thuột - Đăk Lắk	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,75	8,50	9,50	8,30	42,35	NV1
4	370364	LAI BÍCH PHƯƠNG	*	31/03/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,00	8,00	9,50	8,50	41,50	NV1
5	370157	NGUYỄN THÚY HIỀN	*	28/05/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	9,00	8,50	9,25	7,20	41,15	NV1
6	370265	NGUYỄN KHÁNH LY	*	10/05/2004	Sơn Tinh - Quảng Ngãi	Năm N'Jang - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,25	9,75	8,75	7,70	41,15	NV1
7	370516	NGUYỄN PHAN NGỌC UYÊN	*	12/01/2004	Buôn Mê Thuột - Đăk Lắk	EaTLing - Cư Jut - Đăk Nông	Kinh	THCS Phạm Văn Đồng	8,25	8,25	9,00	7,60	40,70	NV1
8	370370	NGUYỄN HUY PHƯỚC		10/12/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,00	8,25	9,00	7,50	40,25	NV1
9	370312	HOÀNG NGỌC ANH NGUYỄN	*	24/07/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,25	8,00	9,50	7,75	40,25	NV1
10	370471	LÊ THỊ BẢO TRANG	*	29/06/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kiến Đức - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,75	7,75	8,50	7,80	39,60	NV1
11	370001	TRINH BÙI DĂNG AN		10/11/2004	Bù Đăng - Bình Phước	Kiến Đức - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,25	9,00	9,00	7,05	39,35	NV1
12	370483	PHẠM TRẦN KHÁNH TRẦN	*	03/07/2004	Buôn Mê Thuột - Đăk Lắk	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,00	7,00	9,00	7,50	39,00	NV1
13	370538	TRINH NGUYỄN HÀ VY	*	23/06/2004	Tp Hồ Chí Minh	Nhân Cơ - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,50	7,00	9,00	7,10	38,70	NV1
14	370341	NGUYỄN BÙI THẢO NHƯ	*	01/03/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,75	8,00	7,75	7,20	37,90	NV1
15	370546	ĐẶNG THỊ HẢI YẾN	*	01/12/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,75	8,00	8,75	6,50	37,50	NV1
16	370443	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	*	30/11/2004	Đă R'Lấp - Đăk Nông	Nhân Cơ - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	7,50	8,50	7,50	6,40	36,30	NV1
17	370361	BÙI THỊ HỒNG PHÚC	*	14/05/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Nghĩa Trung - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,50	7,00	8,50	6,10	36,20	NV1
18	370511	HỒ TIẾN TỬ		05/11/2004	Cư Jut - Đăk Nông	Nghĩa Phú - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,75	7,75	8,25	5,50	35,75	NV1
19	370144	LÊ THỊ THUY HẢO	*	03/09/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Năm N'Jang - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,50	8,25	8,50	6,10	35,45	NV1
20	370245	CHUNG KHÁNH LINH	*	07/05/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	7,25	9,25	6,20	35,40	NV1
21	370070	VŨ THỊ TIÊU DIỆU	*	01/07/2004	K rông Nô - Đăk Nông	Trường Xuân - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	7,25	6,75	8,75	6,30	35,35	NV1
22	370022	TRẦN THỊ LAN ANH	*	18/08/2004	Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Quảng Tân - Tuy Đức - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,50	7,00	9,00	5,90	35,30	NV1
23	370015	VŨ KIM ANH	*	14/02/2004	Bảo Lộc - Lâm Đồng	Đăk Nia - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	7,25	7,00	7,25	6,90	35,30	NV1
24	370061	TRƯƠNG THỊ MAI CHI	*	26/02/2004	Dĩ Linh - Lâm Đồng	Năm N'Jang - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,25	8,50	8,75	5,30	35,10	NV1
25	370308	TRẦN THỊ YẾN NGỌC	*	20/03/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Nam Bình - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	8,00	8,00	7,75	5,40	34,55	NV1
26	370241	ĐỖ THỊ MỸ LAN	*	14/07/2004	Cư Jut - Đăk Nông	Nam Dong - Cư Jut - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	8,00	7,75	8,75	5,00	34,50	NV1
27	370355	NGUYỄN TẤN PHÁT		02/11/2004	Tiến Hải - Thái Bình	Nam Bình - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,75	7,00	7,25	6,20	34,40	NV1
28	370132	TRẦN THỊ THU HÀ	*	14/02/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Đăk Nia - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	7,50	7,00	8,50	5,55	34,10	NV1
29	370330	BÙI THỊ NGỌC NHI	*	09/08/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Đăk R'Moan - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	PTCS Bế Văn Đàn	7,50	7,00	8,00	5,70	33,90	NV1
30	370484	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG TRÂM	*	02/01/2004	Đăk Mil - Đăk Nông	Đăk Sak - Đăk Mil - Đăk Nông	Kinh	THCS Phan Chu Trinh	7,00	7,00	7,75	6,00	33,75	NV1
31	370459	TRẦN THỊ THÙY TIẾN	*	25/06/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Đức - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	7,00	7,75	5,40	33,05	NV1
32	370235	HUỖNH ANH KIẾT		31/10/2004	Mộ Đức - Quảng Ngãi	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	6,00	8,25	6,30	32,85	NV1
33	370319	TRẦN THỊ THANH NHÂN	*	28/07/2004	Krông Ana - Đăk Lắk	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,00	4,25	8,00	6,80	32,85	NV1
34	370039	NGUYỄN GIANG NGỌC ÁNH	*	19/02/2004	Buôn Mê Thuột - Đăk Lắk	Kiến Đức - Đăk R'Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	7,75	8,25	5,40	32,80	NV1
35	370128	NGUYỄN THANH THUY HÀ	*	12/03/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	7,50	6,00	7,75	5,70	32,65	NV1

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xét duyệt danh sách gồm 35 học sinh
Trong đó: Nam: 6 Nữ: 29 , số học sinh dân tộc Kinh: 35
Số học sinh dân tộc thiểu số: 0
Cụ thể

....., ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đăk Nông, ngày . . . tháng . . . Năm 20 . . .

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10

Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh năm học 2019-2020

Danh sách gồm 2 trang 35 học sinh





**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH NĂM HỌC 2019-2020**

STT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển	Nguyên vọng
									Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	370117	NGUYỄN TRUNG ĐỨC		18/06/2004	Đắk Mil - Đắk Nông	Đắk R'Lă - Đắk Mil - Đắk Nông	Kinh	THCS Hoàng Diệu	7,25	6,25	6,75	6,50	33,25	NV1
2	370303	ĐỖ HOÀNG MINH NGỌC	*	30/12/2004	Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Năm N'Jang - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,50	8,75	6,00	4,75	30,75	NV1
3	370549	HOÀNG MAI NHƯ Ý	*	31/01/2004	Quảng Ninh - Quảng Bình	Đắk Buk So - Tuy Đức - Đắk Nông	Kinh	THCS Đắk Buk So	8,00	7,00	5,25	4,75	29,75	NV1
4	370275	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	*	16/06/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Nam Bình - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	7,00	5,00	5,00	28,50	NV1
5	370180	LÊ VĂN HOÀNG		28/07/2004	Đắk Mil - Đắk Nông	Đắk Sak - Đắk Mil - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Chí Thanh	7,25	4,25	6,25	5,25	28,25	NV1
6	370103	TRẦN THỊ ANH ĐÀO	*	06/09/2004	Bù Gia Mập - Bình Phước	Đắk Ha - Đắk Glong - Đắk Nông	Kinh	THCS Chu Văn An	8,50	6,50	4,00	4,50	28,00	NV1
7	370419	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	*	30/07/2004	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kiến Đức - Đắk R'Lấp - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	8,25	6,50	3,00	26,75	NV1
8	370227	NGÔ XUÂN KHUYẾN	*	01/01/2004	Gia Nghĩa - Đắk Nông	Đắk N'ia - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,00	7,00	7,00	3,25	26,50	NV1
9	370168	CHIU THỊ HOA	*	26/09/2002	K rông Nô - Đắk Nông	Năm N'Dir - K rông Nô - Đắk Nông	Dao	THCS Năm N'đir	6,25	6,25	4,50	4,75	26,50	NV1
10	370104	TRẦN BÌNH ĐẠI		08/03/2004	Hoài Ân - Bình Định	Nghĩa Đức - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	4,50	4,25	4,75	24,25	NV1
11	370224	HOÀNG TRỊNH ANH KHOA		22/09/2004	Cư Jut - Đắk Nông	Cư Knia - Cư Jut - Đắk Nông	Tây	THCS Nguyễn Trãi	6,50	6,00	6,50	2,50	24,00	NV1
12	370408	TRẦN ĐÌNH THÁI		04/12/2004	K rông Năng - Đắk Lắk	Năm N'Jang - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	8,00	5,25	2,50	4,00	23,75	NV1
13	370530	VŨ ĐÌNH VIỆT		17/01/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Thuận Hà - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	7,00	5,00	3,25	4,25	23,75	NV1
14	370232	NGUYỄN TRUNG KIÊN		08/05/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Nam Bình - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	4,00	3,75	4,75	23,75	NV1
15	370214	HÀ HUỲNH MINH KHANG		24/04/2004	Xuyên Mộc - Bà Rịa Vũng Tàu	Đắk N'ia - Gia Nghĩa - Đắk Nông	Kinh	THCS Phan Bội Châu	4,50	2,25	4,00	5,75	22,25	NV1
16	370164	TRẦN VĂN HIỆU		30/08/2004	Nghĩa Hưng - Nam Định	Nam Bình - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,50	5,25	3,50	2,75	20,75	NV1
17	370161	TRỊNH MINH HIẾU		08/02/2004	Đắk Song - Đắk Nông	Thuận Hạnh - Đắk Song - Đắk Nông	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	2,25	3,25	4,00	19,75	NV1

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xét duyệt danh sách gồm 17 học sinh

Trong đó: Nam: 10 Nữ: 7, số học sinh dân tộc Kinh: 15

Số học sinh dân tộc thiểu số: 2

Cụ thể: Dao: 1, Tây: 1

....., ngày ... tháng ... Năm 20 ...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đắk Nông, ngày ... tháng ... Năm 20 ...

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10

Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh năm học 2019-2020

Danh sách gồm 1 trang 17 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN ĐỊA LÝ
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH NĂM HỌC 2019-2020

STT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển	Nguyên vọng
									Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn chuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	370273	TRINH THỊ HỒNG MAI	*	28/10/2004	Cư Jut - Đăk Nông	Ea Pô - Cư Jut - Đăk Nông	Kinh	THCS Phạm Hồng Thái	7,50	5,75	6,50	7,75	35,25	NV1
2	370455	CAO THỊ THANH THƯƠNG	*	02/01/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Phú - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	8,00	5,25	6,75	34,25	NV1
3	370065	NGUYỄN THỊ HỒNG CHUYÊN	*	25/01/2004	Nghị Lộc - Nghệ An	Nam Bình - Đăk Song - Đăk Nông	Kinh	PTDTNT THCS và THPT Đăk Song	7,50	6,25	6,00	6,75	33,25	NV1
4	370023	VŨ THỊ LAN ANH	*	17/10/2004	Đăk Mil - Đăk Nông	Đức Mạnh - Đăk Mil - Đăk Nông	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	7,25	7,00	7,50	5,50	32,75	NV1
5	370350	HOÀNG THỊ KIM OANH	*	23/01/2004	Cư Jut - Đăk Nông	Nam Dong - Cư Jut - Đăk Nông	Nùng	THCS Nguyễn Tất Thành	8,00	6,50	7,75	4,50	31,25	NV1
6	370401	NGUYỄN DUY TÂN	*	15/04/2004	K rông Ana - Đăk Lăk	Cư Knia - Cư Jut - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	7,50	6,75	6,00	5,50	31,25	NV1
7	370433	NGUYỄN THỊ BẢO THOA	*	01/01/2004	Bảo Lâm - Lâm Đồng	Nghĩa Thành - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	7,50	4,25	7,75	5,00	29,50	NV1
8	370352	NGUYỄN THỊ KIM OANH	*	29/08/2004	Buôn Mê Thuột - Đăk Lăk	Đăk N'Drot - Đăk Mil - Đăk Nông	Kinh	THCS Lê Lợi	6,00	6,50	4,75	6,00	29,25	NV1
9	370209	PHẠM QUỲNH HƯƠNG	*	07/12/2004	Đăk Glong - Đăk Nông	Quảng Sơn - Đăk Glong - Đăk Nông	Kinh	THCS Hoàng Văn Thụ	7,00	5,50	6,75	4,75	28,75	NV1
10	370532	HÀ NGỌC VŨ	*	25/07/2004	Cư Jut - Đăk Nông	Cư knia - Cư Jut - Đăk Nông	Thái	THCS Nguyễn Trãi	6,50	8,25	4,75	4,25	28,00	NV1
11	370078	ĐOÀN THỊ XUÂN DUNG	*	09/04/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,25	4,50	6,75	5,25	28,00	NV1
12	370169	HỒ THỊ HOA	*	12/09/2004	K rông Nô - Đăk Nông	Đăk Nang - K rông Nô - Đăk Nông	Kinh	THCS Đăk Nang	6,50	6,75	5,00	4,75	27,75	NV1
13	370058	ĐẶNG THỊ KIM CHI	*	30/05/2004	K rông Nô - Đăk Nông	Năm N'Dir - K rông Nô - Đăk Nông	Dao	THCS Năm Nử	6,50	5,50	4,75	5,00	26,75	NV1
14	370509	DƯƠNG THANH TÙNG	*	23/12/2004	Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Đăk Sin - Đăk R' Lấp - Đăk Nông	Kinh	THCS ngoài tỉnh	6,75	8,00	4,75	3,50	26,50	NV1
15	370290	PHẠM TRÀ MY	*	28/09/2004	Đăk Song - Đăk Nông	Đăk Ha - Đăk Glong - Đăk Nông	Kinh	THCS Chu Văn An	7,50	5,25	3,25	4,50	25,00	NV1
16	370267	LÊ THỊ HƯƠNG LY	*	22/04/2004	Gia Nghĩa - Đăk Nông	Nghĩa Tân - Gia Nghĩa - Đăk Nông	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	4,75	4,50	4,50	24,75	NV1
17	370018	LUC PHƯƠNG QUỲNH ANH	*	31/12/2004	Cư Jut - Đăk Nông	Ea Pô - Cư Jut - Đăk Nông	Thái	THCS Phạm Hồng Thái	6,00	4,25	5,50	4,50	24,75	NV1
18	370340	BÙI THỊ NHUNG	*	19/03/2004	K rông Nô - Đăk Nông	Năm N'Dir - K rông Nô - Đăk Nông	Kinh	THCS Năm Nử	5,75	5,25	4,00	4,75	24,50	NV1

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xét duyệt danh sách gồm 18 học sinh
Trong đó: Nam: 3 Nữ: 15 , số học sinh dân tộc Kinh: 14
Số học sinh dân tộc thiểu số: 4
Cụ thể: Dao: 1, Nùng: 1, Thái: 2

....., ngày ... tháng ... Năm 20 ...
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đăk Nông, ngày ... tháng ... Năm 20 ...

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10
Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh năm học 2019-2020
Danh sách gồm 1 trang 18 học sinh